TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2018/HS-ST Ngày: 08/02/2018	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

THành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Trương Quang Vinh.

- Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Nghịch; Bà Trịnh Thị Oanh.

- ***T ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Hiệt– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc*** *tham gia phiên tòa:* Ông Lâm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 08/02/2018, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 06/2018/HSST, ngày 23 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXX-HSST ngày 25/01/2018, đối với các bị cáo:

1/. Họ và tên: Ngô Văn T; Sinh năm: 1973 tại huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên quán: Xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Văn T1 (chết) và con bà La Thị B sinh năm 1943; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị V sinh năm 1977 và có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh

năm 1999; Nhân thân: Từ nhỏ lớn lên sống cùng bố, mẹ học đến lớp 7/12 thì nghỉ học ở nhà làm nông phụ giúp gia đình tại xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Năm 1991, chuyển vào thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk sinh sống và lập gia đình. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/11/2017 đến ngày 08/11/2017, thì áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lĩnh. (Có mặt tại phiên tòa).

2/. Họ và tên: Khúc Văn Đ; Sinh năm: 1987 tại huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên quán: Xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Tạm trú tại: Thôn P, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Khúc Văn N (chết) và con bà Hán Thị C, sinh năm 1961; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Từ nhỏ lớn lên sống cùng bố, mẹ học đến lớp 9/12 thì nghỉ học ở nhà làm nông phụ giúp gia đình tại thôn L, xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Năm 2003, chuyển vào tạm trú tại thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/11/2017 đến ngày 08/11/2017, thì áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lĩnh. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: Nguyễn Văn K; Sinh năm: 1971 tại huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên quán: Xã B, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn 1, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C (chết) và con bà Nguyễn Thị T (chết); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo có vợ là Hoàng Thị N, sinh năm 1975 và có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 1999; Nhân thân: Từ nhỏ lớn lên sống cùng bố, mẹ học đến lớp 4/12 thì nghỉ học ở nhà làm nông phụ giúp gia đình tại xã B, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Năm 1990, chuyển vào thôn 1, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk sinh sống và lập gia đình. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/11/2017 đến ngày 08/11/2017, thì áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lĩnh. (Có mặt tại phiên tòa)

4. Họ và tên: Nguyễn Văn A; Sinh năm: 1976 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên quán: Xã T, Đào, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (chết) và con bà Nguyễn Thị C (chết); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo có vợ là Hoàng Thị L, sinh năm 1976 và có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2008; Nhân thân: Từ nhỏ lớn lên sống cùng bố, mẹ học đến lớp 7/12 thì nghỉ học ở nhà làm nông phụ giúp gia đình tại xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Năm 1993, chuyển vào thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk sinh sống và lập gia đình. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/11/2017 đến ngày 08/11/2017, thì áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lĩnh. (Có mặt tại phiên tòa).

5. Họ và tên: Nguyễn Văn L; Sinh năm: 1972 tại huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên quán: Xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn P, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N (chết) và con bà Nguyễn Thị B (chết); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị P, sinh năm 1973 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 2003; Nhân thân: Từ nhỏ lớn lên sống cùng bố, mẹ học đến lớp 4/12 thì nghỉ học ở nhà làm nông phụ giúp gia đình tại xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Năm 1992, chuyển vào thôn P, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk sinh sống và lập gia đình. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/11/2017 đến ngày 08/11/2017, thì áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lĩnh. (Có mặt tại phiên tòa).

6. Họ và tên: Phùng Văn H; Sinh năm: 1975 tại huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên quán: Xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn Vân Kiều, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Xây dựng; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phùng Văn Ư, sinh năm 1938 và con bà Phùng Thị T, sinh năm 1938; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H sinh năm 1979 và có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 1998; Nhân thân: Từ nhỏ lớn lên sống cùng bố, mẹ

học đến lớp 4/12 thì nghỉ học ở nhà làm nông phụ giúp gia đình tại xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Năm 1992, chuyển vào thôn V, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk sinh sống và lập gia đình. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/11/2017 đến ngày 08/11/2017, thì áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lĩnh. (Có mặt tại phiên tòa).

7. Họ và tên: Đoàn Xuân C; Sinh năm: 1977 tại huyện N, tỉnh Hải Dương.

Nguyên quán: Xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Bá B, sinh năm 1953 và con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo có vợ là Hà Thị H sinh năm 1981 và có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2004; Nhân thân: Từ nhỏ lớn lên sống cùng bố, mẹ học đến lớp 10/12 thì nghỉ học ở nhà làm nông phụ giúp gia đình tại thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Năm 2000 lập gia đình. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/11/2017 đến ngày 08/11/2017, thì áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1977.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Người làm chứng:

1/ Anh Lê Thanh S. Sinh năm 1973. (Có mặt).

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957. (Có mặt).

Chỗ ở hiện nay: Thôn 10, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

3/ Chị Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1961. (Có mặt).

Chỗ ở hiện nay: Thôn 13, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

4/ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1970. (Có mặt).

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

5/ Anh Giáp Văn T, sinh năm 1972. (Vắng mặt).

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 01/11/2017, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn L và Đoàn Xuân C đến nH Ngô Văn T ở thôn T, xã V, huyện P chơi. Đến khoảng 13 giờ, T rủ A, L, C đánh bài bằng hình thức "Phỏm" thắng thua bằng tiền. Đến khoảng 14 giờ, L ra ngoài đường đi vệ sinh thì gặp và mượn 5.000.000 đồng của Bùi Thị T vào tiếp tục đánh bạc. Trong lúc đang đánh "Phỏm" thì Khúc Văn Đ, Nguyễn Văn K, Phùng Văn H, Lê Thanh S, Nguyễn Văn D, Lê Thị Mỹ D, Nguyễn Văn H, Giáp Văn T và một số người khác đến xem. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, thì có người nói đánh "Xóc dĩa", nên nghỉ đánh "Phỏm", lúc này L thắng được 100.000 đồng. T đi lấy dụng cụ đánh xóc dĩa để ra giữa nhà cho Đ dùng 450.000 đồng và cầm cái để cho L dùng 5.100.000 đồng, K dùng 2.700.000 đồng, A dùng 2.300.000 đồng, H dùng 1.550.000 đồng, C dùng 350.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc thì K và A tham gia cầm cái xóc dĩa, Sơn cầm cái "sen cô", T thu tiền xâu được 800.000 đồng và ra ngoài cảnh giới. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện P bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc 10.150.000 đồng, thu trên người T 50.000 đồng, Đ 500.000 đồng, H 300.000 đồng, A 1.100.000 đồng, K 5.000.000 đồng, C 350.000đ và toàn bộ tang vật gồm: 04 vị bằng tre kích Tớc mỗi vị 01cmx1,5cm, 01 dĩa bằng nhựa màu trắng hình tròn đường kính 17,5cm, 01 chén bằng nhựa màu trắng hình tròn đường kính 12,5cm và 01 chiếc chiếu cói kích thước 1,8mx2m.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 103/KL-HĐĐG ngày 18/12/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện P, kết luận: 01 căn nhà xây cấp 4 có diện tích 5m x7,5 m = 35,5 m^2, trị giá 22.083.000 đồng.

Cáo trạng số 13/KSĐT-HS ngày 19/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc truy tố các bị cáo Ngô Văn T, Khúc Văn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn L, Phùng Văn H và Đoàn Xuân C về tội ”Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa các bị cáo Ngô Văn T, Khúc Văn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn L, Phùng Văn H và Đoàn Xuân C thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu và không có ý kiến gì khác.

Phần tranh luận: Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như bản cáo trạng số 13/KSĐT-HS ngày 19/01/2018. Đề nghị HĐXX tuyên bố các cáo bị cáo Ngô Văn T, Khúc Văn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn L, Phùng Văn H và Đoàn Xuân C phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1 Điều 46; Khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS năm 1999 để xử phạt: Ngô Văn T: Từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm; Khúc Văn Đ: Từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng; Nguyễn Văn K: Từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng; Đoàn Xuân C: Từ 05 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 04 tháng.

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1 Điều 46; Khoản 1 Điều 31 BLHS năm 1999 để xử phạt: Nguyễn Văn L: Từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian tạm giữ cho bị cáo Nguyễn Văn L.

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 đối với Phùng Văn H: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 đối với Nguyễn Văn A: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước 18.200.000 đồng, là tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

+ Chấp nhận Ngô Văn T nộp số tiền 11.041.500 đồng (Giá trị ½ căn nhà do T cho người khác sử dụng làm địa điểm đánh bạc) để sung công quỹ nhà nước.

+ Tịch thu tiêu hủy vật chứng vụ án (như biên bản thu giữ vật chứng) là công cụ dùng vào việc phạm tội, hiện nay không còn giá trị sử dụng.

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc trả 5.000.000 đồng cho Nguyễn Văn K.

- Đối với hành vi đánh bạc bằng hình thức "phỏm" của T, A, L và C không xác định được số tiền dùng để đánh bạc nên không có căn cứ xử lý tội đánh bạc.

- Đối với Bùi Thị T cho Nguyễn Văn L mượn tiền, nhưng T không biết L dùng tiền vào mục đích đánh bạc, nên không xử lý hình sự đối với T.

- Đối với Nguyễn Thị V (Vợ Ngô Văn T) không biết T sử dụng nhà làm địa điểm đánh bạc nên không xử lý hình sự đối với V.

- Đối với Lê Thanh S có tham gia cầm cái "Sen cô" nhưng không có ai tham gia đánh bạc cùng với S, nên không xử lý hình sự đối với S.

Các bị cáo Ngô Văn T, Khúc Văn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn L, Phùng Văn H và Đoàn Xuân C không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Các Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Pắc, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố, điều tra thu thập chứng cứ vụ án đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở pháp lý xác định hành vi của các bị cáo Ngô Văn T, Khúc Văn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn L, Phùng Văn H và Đoàn Xuân C cấu thành tội "Đánh bạc", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1/. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

Vận dụng điều luật nêu trên, đối chiếu với hành vi phạm tội của các bị cáo HĐXX cần áp dụng mức hình phạt sao cho thỏa đáng để vừa đề cao được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời qua đó giáo dục riêng, răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, ảnh hưởng đến nếp sống văn minh và thuần phong mỹ tục của dân tộc và là một trong những nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội khác.

Xét về ý thức: Các bị cáo là những người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo nhận thức được mọi hành vi đánh bạc trái phép dưới mọi hình thức đều bị pháp luật xử lý nghiêm minh. Tuy nhiên xuất phát từ ý thức xem thường pháp luật, bản chất chây lười lao động, muốn có tiền nhanh chóng mà không phải bỏ công sức lao động chính đáng của chính mình nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa. Tổng số tiền các bị cáo mang theo dùng vào việc đánh bạc là 8.050.000đ và thu trên chiếc bạc là 10.150.000đ. Với hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo, HĐXX xét thấy cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục các bị cáo.

Xét thấy trong vụ án này có nhiều bị cáo cùng tham gia đánh bạc, tuy nhiên tính chất, hành vi, vai trò của mỗi bị cáo trong vụ án là khác nhau nên HĐXX cần phân hóa vai trò của mỗi bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo, cụ thể:

- Đối với bị cáo Ngô Văn T: Mặc dù không trực tiếp đánh bạc nhưng bị cáo đã chuẩn bị dụng cụ và dùng nhà mình cho các bị cáo đánh bạc nhằm mục đích thu 800.000 đồng tiền xâu, hành vi của bị cáo có dấu hiệu phạm tội gá bạc, tuy nhiên hành vi của bị cáo chưa đủ yếu tố cấu thành tội gá bạc. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01 ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao thì T phải chịu trách nhiệm hình sự về đồng phạm tội đánh bạc.Với vai trò và hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo, HĐXX xét thấy cần xử lý nghiêm đối với bị cáo T mới có tác dụng giáo dục bị cáo.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn Aí, Khúc Văn Đ, Nguyễn Văn L, Đoàn Xuân C, Phùng Văn H: Các bị cáo K, A, Đ là những người trực tiếp cầm cái cho các con bạc sát phạt lẫn nhau, đồng thời là những người tham gia đánh bạc

tích cực cùng bị cáo C, L, H. Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Nguyễn Văn K dùng số tiền 2.700.000đ, Khúc Văn Đ dùng số tiền 450.000đ, bị cáo Nguyễn Văn A dùng số tiền 2.300.000đ, bị cáo Nguyễn Văn L dùng số tiền 5.100.000đ, bị cáo Đoàn Xuân C dùng số tiền 350.000đ, bị cáo Phùng Văn H dùng số tiền 1.550.000đ để đánh bạc. Do vậy cần xử lý nghiêm đối với các bị cáo, tuy nhiên mức hình phạt thấp hơn so với bị cáo T.

Xét về nhân thân các bị cáo: Các bị cáo đều có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 cho bị cáo T, bị cáo K, bị cáo Đ, bị cáo C được hưởng án treo; Áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo L, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Bộ luật hình sự năm 1999 và áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo A, bị cáo H cũng đủ tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo về sau và răn đe chung trong toàn xã hội**.**

[3] Đối với hành vi đánh bạc bằng hình thức "Phỏm" của T, A, L và C không xác định được số tiền dùng để đánh bạc nên không có căn cứ xử lý tội đánh bạc.

[4] Đối với Bùi Thị T cho Nguyễn Văn L mượn tiền, nhưng T không biết L dùng tiền vào mục đích đánh bạc, nên không xử lý hình sự đối với T.

[5] Đối với Nguyễn Thị V (Vợ Ngô Văn T) không biết T sử dụng nhà làm địa điểm đánh bạc nên không xử lý hình sự đối với V.

[6] Đối với Lê Thanh S có tham gia cầm cái "Sen cô" nhưng không có ai tham gia đánh bạc cùng với S, nên không xử lý hình sự đối với S.

[7] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Về vật chứng vụ án:

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước 18.200.000 đồng, là tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

+ Đối với căn nhà bị cáo Ngô Văn T dùng để sử dụng làm địa điểm đánh bạc theo Bản kết luận định giá tài sản số 103/KL-HĐĐG ngày 18/12/2017 của Hội đồng định giá thì giá trị căn nhà là 22.083.000đ. Xét thấy căn nhà là tài sản chung hợp pháp của bị cáo T và vợ là chị Nguyễn Thị V, khi bị cáo T dùng căn nhà để làm địa đểm cho các bị cáo đánh bạc chị V không biết nên tịch thu ½ giá trị căn nhà tương đương với số tiền 11.041.500đ, số tiền này bị cáo T đã nộp tại Chi cục thi Hành án dân sự huyện P theo biên lai thu số AA/2013/14681 ngày 07/02/2018.

+ Tịch thu tiêu hủy vật chứng vụ án (như biên bản thu giữ vật chứng) là công cụ dùng vào việc phạm tội, hiện nay không còn giá trị sử dụng.

- Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P trả 5.000.000 đồng cho Nguyễn Văn K.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Ngô Văn T, Khúc Văn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn L, Phùng Văn H và Đoàn Xuân C phạm tội "Đánh bạc", đề xuất mức hình phạt, phần xử lý vật chứng là có căn cứ nên cần chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

[9] Về án phí: Các bị cáo Ngô Văn T, Khúc Văn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn L, Phùng Văn H và Đoàn Xuân C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 để áp dụng đối với Ngô Văn T, Khúc Văn Đ, Nguyễn Văn K và Đoàn Xuân C;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1Điều 46, khoản 1 Điều 31của Bộ luật hình sự năm 1999 để áp dụng đối với Nguyễn Văn L;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1Điều 46, khoản 1 Điều 31của Bộ luật hình sự năm 1999 để áp dụng đối với Nguyễn Văn A, Phùng Văn H.

Tuyên bố: Các bị cáo Ngô Văn T, Khúc Văn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn L, Phùng Văn H và Đoàn Xuân C phạm tội: "Đánh bạc".

Xử phạt:

1/. Bị cáo Ngô Văn T 10 (Mười) tháng tù cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/11/2017 đến ngày 08/11/2017.

2/. Bị cáo Nguyễn Văn K 06 (Sáu) tháng tù cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/11/2017 đến ngày 08/11/2017.

3/. Bị cáo Khúc Văn Đ 06 (Sáu) tháng tù cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/11/2017 đến ngày 08/11/2017.

4/. Bị cáo Đoàn Xuân C 05 (Năm) tháng tù cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/11/2017 đến ngày 08/11/2017.

Giao các bị cáo Ngô Văn T, Khúc Văn Đ, Nguyễn Văn K và Đoàn Xuân Ccho UBND xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk kết hợp với gia đình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

5/. Bị cáo Nguyễn Văn L 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian 24 ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 08 (Tám) tháng 06 (Sáu) ngày. Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk phối hợp với gia đình bị cáo quản lý giáo dục bị cáo. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã V nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

6/. Bị cáo Nguyễn Văn A số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung công quỹ nhà nước. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

7/. Bị cáo Phùng Văn H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung công quỹ nhà nước. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Về vật chứng vụ án:

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước 18.200.000 đồng, là tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước ½ giá trị căn nhà của Ngô Văn T, tương đương 11.041.500 đồng, số tiền này bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu số AA/2013/14681 ngày 07/02/2018.

+ Tịch thu tiêu hủy vật chứng vụ án (như biên bản thu giữ vật chứng) là công cụ dùng vào việc phạm tội, hiện nay không còn giá trị sử dụng.

+ Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P trả 5.000.000 đồng cho Nguyễn Văn K.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Ngô Văn T, Khúc Văn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn L, Phùng Văn H và Đoàn Xuân C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Ngô Văn T, Khúc Văn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn L, Phùng Văn H và Đoàn Xuân C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị V được quyền kháng cáo bản án về phần xử lý vật chứng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơinhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lăk;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Păc;*
- *Chi cục THSDS huyện P;*
- *Công an huyện Krông Păc;*
- *UBND xã V*
- *Bị cáo;*
- *Lưu hồ sơ.*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Quang Vinh